

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG CÁC DOANH NGHIỆP HỖ TRỢ TRỞ THÀNH NHÀ CUNG CẤP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP FDI – NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH VINH PHÚC

Đỗ Thị Thu Thủy

Viện Ngân hàng – Tài chính, Trường đại học Kinh tế quốc dân

Email: thuydt3108@gmail.com

Ngày nhận: 12/7/2017

Ngày nhận bản sửa: 21/8/2017

Ngày duyệt đăng: 25/9/2017

Tóm tắt:

Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm để có thể trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI, tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia đang là vấn đề được các doanh nghiệp hỗ trợ và Chính phủ đặc biệt quan tâm. Bài viết sử dụng mô hình Logit nhằm đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố nội tại đến khả năng các doanh nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI. Kết quả nghiên cứu là cơ sở giúp Chính phủ, các Bộ ban ngành có liên quan và bản thân các doanh nghiệp hỗ trợ đưa ra những chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Từ khoá: Doanh nghiệp hỗ trợ, công nghiệp hỗ trợ, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Assessment of Factors Influencing the Ability of Supporting Enterprises to Become Suppliers of FDI Firms – The Case Study of Vinh Phuc

Abstract

The development of supporting industry, enhancement of the competitiveness of products could help supporting enterprises become suppliers of FDI firms and participate in the global production network of multinational corporations. This issue is especially concerned by supporting enterprises and the Government. This paper uses Logit model to assess the impact of internal factors on the ability of supporting enterprises to become suppliers of FDI firms. Based on the findings, some suggestions are given to help government, ministries and supporting enterprises to introduce appropriate development policies for strengthening attraction of foreign direct investment.

Keywords: Supporting enterprise, supporting industry, FDI.

1. Đặt vấn đề

Có thể thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. FDI góp phần bổ sung nguồn vốn, chuyển giao phát triển công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm, thúc đẩy xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... Vì vậy, việc tìm ra động cơ thu hút FDI là vấn đề được các quốc gia đang phát triển đặc biệt quan tâm.

Công nghiệp hỗ trợ là những ngành sản xuất các

sản phẩm đầu vào gồm các sản phẩm, hàng hoá trung gian và các sản phẩm, hàng hoá dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất. Theo nhiều nghiên cứu, công nghiệp hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, được xem là nhân tố góp phần thu hút FDI. Tuy nhiên, cho đến nay ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam còn kém phát triển, mới chỉ ở giai đoạn đầu, chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp FDI. Hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đều có công nghệ lạc hậu, thiếu lao động có trình độ cao, sản phẩm thiếu cạnh tranh,

chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn cạnh tranh về chất lượng, giá cả và giao hàng (Ohno, 2007). Vì vậy, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ khó trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI. Trong thời gian tới, nếu không phát triển được ngành công nghiệp hỗ trợ đủ khả năng cung ứng cho các doanh nghiệp FDI, thì sẽ có những nhà đầu tư nước ngoài chuyển hướng đầu tư sang những quốc gia khác có ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển hơn Việt Nam.

Xuất phát từ thực tế đó, bài viết được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá khả năng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI thay đổi như thế nào khi các yếu tố nội tại thuộc doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thay đổi. Tác giả lựa chọn nghiên cứu thực nghiệm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Ngay từ khi tái lập tỉnh, thu hút FDI luôn được xác định là chìa khóa cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Với những lợi thế về vị trí địa lý, cùng với chính sách thu hút đầu tư hiệu quả, đã giúp Vĩnh Phúc trở thành một trong những tỉnh thành công trong thu hút FDI, đặc biệt là những dự án FDI quy mô lớn. Sau 20 năm tái lập, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội, trong đó đóng góp của khu vực FDI luôn được coi là “điểm sáng” của tỉnh. Năm 2015, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Vĩnh Phúc xếp thứ 4/63 tỉnh thành của cả nước và xếp thứ 2 khu vực đồng bằng sông Hồng (sau Quảng Ninh). Đó là lý do tác giả lựa chọn tỉnh Vĩnh Phúc để tiến hành nghiên cứu thực nghiệm.

Nghiên cứu được hoàn thành sẽ có ý nghĩa đóng góp cả về lý luận và thực tiễn. Về mặt lý luận, nghiên cứu đã xác định được mô hình để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố nội tại đến khả năng các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu đã đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến khả năng trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI, từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp FDI, là cơ sở tăng cường thu hút FDI vào Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận

Theo Mori (2005), các ngành công nghiệp hỗ trợ trong nước đang gia tăng tầm quan trọng của họ như là một yếu tố thúc đẩy việc thu hút FDI, trong khi có những yếu tố quan trọng khác quyết định đến dòng vốn FDI như chi phí lao động, quy mô thị trường trong nước, và sự ổn định chính trị,...

Khả năng cung ứng cho các ngành công nghiệp là một trong các vấn đề được các công ty đa quốc gia cân nhắc rất nhiều trước khi quyết định đầu tư vào một quốc gia. Nền kinh tế với các ngành công nghiệp hỗ trợ mạnh và có thể đáp ứng nhu cầu cho các nhà lắp ráp là một trong các nhân tố tác động mạnh đến thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp. Quá trình này thường được bắt đầu bằng việc các nhà lắp ráp sẽ lôi kéo các nhà cung ứng từ nước ngoài vào nước sở tại, tạo nên lớp cung ứng thứ nhất. Giai đoạn đầu, các doanh nghiệp nội địa bán sản phẩm cho các doanh nghiệp cung ứng FDI này, tạo nên lớp thứ 2, lớp thứ 3 trong hệ thống cung ứng. Dần dần doanh nghiệp nội địa có thể phát triển thành nhà cung ứng lớp thứ 1. Do đó, đầu tư nước ngoài trong công nghiệp hỗ trợ chiếm vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong giai đoạn đầu công nghiệp hoá. Tuy nhiên, việc thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp này liên quan chặt chẽ đến quy mô sản xuất và tiêu thụ của khách hàng của họ – nhà lắp ráp ở thị trường nội địa. Nếu quy mô sản xuất và tiêu thụ của nhà lắp ráp thấp, nhà cung ứng FDI không muốn đầu tư và công ty lắp ráp sẽ phải nhập khẩu đầu vào. Điều này làm giá thành sản xuất cao và nhà lắp ráp không muốn đầu tư vào quốc gia đó trong dài hạn.

Trong mô hình kim cương của Porter (1990), các ngành công nghiệp hỗ trợ cùng với ba yếu tố cốt lõi khác là cầu, chiến lược cạnh tranh của các công ty, nhân tố điều kiện quyết định lợi thế cạnh tranh của một quốc gia. Ngày nay, việc cạnh tranh giữa các nền kinh tế đang phát triển để thu hút FDI đã dẫn đến một cuộc chạy đua về ưu đãi đầu tư, trong đó các ngành công nghiệp hỗ trợ tự nó đã trở thành sự kích lệ quan trọng cho sự thu hút đầu tư nước ngoài. Trong sự phát triển lâu dài của các nền kinh tế đang phát triển, xây dựng công nghiệp hỗ trợ là một bước quan trọng trong việc xây dựng các ngành CN khác. Xây dựng các ngành công nghiệp hỗ trợ cho phép các nền kinh tế đang phát triển tiếp thu được công nghệ và các doanh nghiệp tích lũy, huy động các nguồn lực này trong quá trình phát triển.

Theo tiêu chuẩn sản xuất của Nhật Bản thì tính cạnh tranh phụ thuộc vào chất lượng, chi phí và giao hàng (QCD). Khi chất lượng đã được đảm bảo thì hai yếu tố quan trọng cần được cải thiện là chi phí và giao hàng. Để giảm chi phí, đẩy nhanh tiến độ giao hàng thì việc phát triển công nghiệp hỗ trợ là cần thiết (Ohno, 2007).

Ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển, có thể đáp

ứng nhu cầu của các doanh nghiệp FDI là giải pháp quan trọng nhằm thu hút FDI. Sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ có thể được hiểu trên những góc độ khác nhau tùy theo các quan điểm và tiếp cận khác nhau.

Trên góc độ các nhà đầu tư nước ngoài, phát triển của công nghiệp hỗ trợ là sự đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI (đầu vào nguyên nhiên vật liệu, chất lượng sản phẩm, giá thành, thời gian giao hàng, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội,...). Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu, phát triển công nghiệp hỗ trợ là sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp kèm theo sự cải thiện về năng lực cung ứng của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Sự cải thiện về năng lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ chính là sự cải thiện về chất lượng của ngành công nghiệp hỗ trợ, được thể hiện ở năng lực sản xuất, năng lực tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Các nghiên cứu (Ohno, 2007; Hoàng Văn Châu, 2010; Trương Thị Chí Bình, 2010; Hà Thị Hương Lan, 2014) cho rằng khả năng trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp FDI ảnh hưởng bởi các yếu tố như công nghệ cũng như nguồn nhân lực trình độ cao. Nguyên nhân chủ yếu là các doanh nghiệp FDI luôn cần các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn cạnh tranh về chất lượng, giá cả và thời gian giao hàng (QCD). Bên cạnh đó, suất sinh lời (Hoàng Văn Châu, 2010; Trương Thị Chí Bình, 2010; Hà Thị Hương Lan, 2014) và sự bất cân xứng về thông tin (Ohno, 2007) của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là những yếu tố ảnh hưởng chính khả năng trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI. Do các doanh nghiệp FDI luôn cần các doanh nghiệp có đủ quy mô để đáp ứng nhu cầu của họ và tránh sự bất cân xứng thông tin ảnh hưởng tới nhu cầu về sản phẩm kỳ vọng của họ. Do vậy, việc đánh giá về các yếu tố của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nên tập trung vào 4 yếu tố trên nhằm phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI.

3. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng các doanh nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI

3.1. Đề xuất mô hình

Cho tới thời điểm hiện nay, các nghiên cứu trong và ngoài nước về ảnh hưởng của công nghiệp hỗ trợ

đến thu hút FDI vào Việt Nam còn chưa nhiều. Các nghiên cứu của Mori (2005), Ohno (2007), Hoàng Văn Châu (2010), Trương Thị Chí Bình (2010), Hà Thị Hương Lan (2014),... chủ yếu tập trung đánh giá vai trò của công nghiệp hỗ trợ, mức độ phát triển công nghiệp hỗ trợ, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ hay thu hút FDI cho phát triển công nghiệp hỗ trợ. Hầu hết các nghiên cứu mới chỉ đề cập đến vai trò của công nghiệp hỗ trợ trong việc thu hút FDI. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng công nghiệp hỗ trợ là nhân tố tạo nên lợi thế vùng trong thu hút FDI như nghiên cứu của Trần Quang Hậu (2015) hay Trương Bá Thanh & Nguyễn Ngọc Anh (2014). Như vậy, có thể thấy chưa có những nghiên cứu về ảnh hưởng của công nghiệp hỗ trợ đến thu hút FDI thông qua việc phát triển công nghiệp hỗ trợ đáp ứng yêu cầu và trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI.

Hơn nữa, ở Việt Nam hiện chưa có nghiên cứu nào tiến hành lượng hóa mối quan hệ giữa công nghiệp hỗ trợ đến việc thu hút FDI. Do đó, mục tiêu ban đầu của tác giả là sử dụng mô hình kinh tế lượng để xem xét tác động của công nghiệp hỗ trợ lên thu hút FDI về mặt số lượng. Nhưng do khó khăn khách quan về dữ liệu, cụ thể là một doanh nghiệp FDI có thể là khách hàng của nhiều doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đồng thời một doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cũng có thể là nhà cung cấp của nhiều doanh nghiệp FDI vì thế không thể biết cụ thể một doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sẽ làm thay đổi bao nhiêu lượng vốn FDI thu hút, do đó việc nghiên cứu tác động của các yếu tố thuộc doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đến sự thay đổi lượng vốn FDI là không thể.

Xuất phát từ thực tế đó, để đảm bảo tính khả thi của nghiên cứu định lượng và vẫn đảm bảo được mục tiêu ban đầu của nghiên cứu là tác động của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đến thu hút FDI, tác giả sử dụng mô hình Logit – là mô hình mà biến phụ thuộc chỉ có hai trạng thái là bằng 1 (nếu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hiện đang là nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất) và bằng 0 (nếu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hiện không phải là nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất) nhằm đánh giá khả năng (hay xác suất) trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Mục tiêu của mô hình này là xác định xác suất để một biến phụ thuộc nhận giá trị bằng 1 (Pi) (tức là xác suất để doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất) sẽ thay đổi như thế nào khi các biến độc

Bảng 1: Mô tả các biến đưa vào mô hình

Tên biến	Kí hiệu	Định nghĩa biến	Kỳ vọng dấu
Biến phụ thuộc	Y	Biến nhị phân, nhận giá trị bằng 1 nếu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI, bằng 0 nếu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ không phải nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI.	
Tỷ lệ vốn đầu tư công nghệ	CT	Vốn đầu tư cho công nghệ/vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.	(+)
Tỷ lệ nguồn lao động chất lượng cao	AL	Số lao động tốt nghiệp đại học hoặc các trường đào tạo nghề/tổng số lao động của doanh nghiệp.	(+)
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản	ROA	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.	(+)
Sự bất cân xứng về thông tin	AI	Biến nhị phân, nhận giá trị bằng 1 nếu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cho rằng có sự bất cân xứng thông tin giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp FDI sản xuất, và bằng 0 nếu ngược lại.	(-)

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp và tính toán.

lập thay đổi (tức là khi các yếu tố nội tại của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thay đổi). Do đó, mục tiêu của nghiên cứu cũng được thu hẹp lại là đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng các doanh nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI. Từ đó đưa ra những khuyến nghị hiệu quả cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tại tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam nói chung cần tập trung ưu tiên cải thiện những yếu tố nào để có thể tăng khả năng trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI.

Một điểm khác biệt trong nghiên cứu này so với các nghiên cứu trước đây về công nghiệp hỗ trợ là trong nghiên cứu này, để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI, tác giả sử dụng các yếu tố nội lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, thay vì đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ như trong nghiên cứu của Trương Thị Chí Bình (2010), Hà Thị Hương Lan (2014), Lưu Tiến Dũng & cộng sự (2014), Trương Bá Thanh & Nguyễn Ngọc Anh (2014), Trần Quang Hậu (2015),...

3.2. Dữ liệu

Nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu định lượng là dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua các phương thức: Tiến hành khảo sát trực tiếp tại doanh nghiệp (dựa trên các bảng hỏi được phát ra kết hợp phỏng vấn sâu các lãnh đạo doanh nghiệp), trao đổi tài liệu qua email để bổ sung thêm các thông tin và

báo cáo của doanh nghiệp mà không có trong nội dung bảng hỏi, và điện thoại trực tiếp theo phương pháp thuận tiện đến cán bộ quản lý thuộc các Sở quản lý cấp ban ngành, các doanh nghiệp khi có bất kì vấn đề phát sinh hay khúc mắc trong quá trình nghiên cứu.

Nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI, nghiên cứu đã được thực hiện thông qua điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Để đánh giá chi tiết, các câu hỏi được xây dựng dựa trên tổng hợp của các nghiên cứu về phát triển công nghiệp hỗ trợ và thu hút FDI. Việc thực hiện điều tra được tiến hành như sau:

- Thực hiện phỏng vấn sâu đối với cán bộ cấp quản lý khối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và FDI như: Sở kế hoạch đầu tư, Sở công thương, ban quản lý dự án, Sở khoa học công nghệ. Bên cạnh phỏng vấn sâu đối với cán bộ quản lý, các câu hỏi dự kiến đối với doanh nghiệp FDI và công nghiệp hỗ trợ đã được tham vấn trực tiếp bởi các cán bộ quản lý và các cán bộ thuộc một số đơn vị thường xuyên tư vấn cho các doanh nghiệp FDI và công nghiệp hỗ trợ như: Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư (IPA), ban quản lý các khu công nghiệp.

- Đối với các doanh nghiệp hỗ trợ FDI và doanh nghiệp hỗ trợ nội địa (DDI), các câu hỏi được thực hiện thông qua điều tra phát phiếu. Qua tham vấn các chuyên gia và thông qua phỏng vấn sâu 2 doanh

Bảng 2: Kết quả ước lượng mô hình Logit

Biến độc lập	Hệ số hồi quy (β_i)	Sai số tiêu chuẩn	Wald statistic	P-value
Hệ số chặn	-30,740*	7,349	17,498	0,000
Tỷ lệ vốn đầu tư công nghệ (CT)	1,150*	0,362	10,076	0,002
Tỷ lệ nguồn lao động chất lượng cao (AL)	0,531***	0,224	2,115	0,073
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	0,019***	0,016	2,007	0,096
Sự bất cân xứng về thông tin (AI)	-2,210*	3,451	7,122	0,001
2-log likelihood		113,206		
Cox & Snell R ²		0,525		
Nagelkerder R ²		0,657		
Homer & Lemeshow Test	Chi-square	10,18	Sig.	0,0023

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp và tính toán.

*: Thể hiện biến có ý nghĩa ở mức 1%

**: Biến có ý nghĩa ở mức 5%

***: Biến có ý nghĩa ở mức 10%

ngành, tác giả xác định các câu hỏi.

Số lượng doanh nghiệp được khảo sát trong nghiên cứu bao gồm: 125 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (trong đó có 100 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là các doanh nghiệp FDI và 25 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước) hiện đang cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp FDI và 50 doanh nghiệp hỗ trợ DDI chỉ cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

Đối với nhóm doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hiện đang cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp FDI: Tác giả đã phát ra 130 phiếu khảo sát và thu về 125 phiếu khảo sát hợp lệ. Trong đó có 100 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là các doanh nghiệp FDI và 25 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp DDI.

Đối với nhóm doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa chỉ cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước: Tác giả đã phát ra 60 phiếu, thu về 54 phiếu trong đó có 50 phiếu hợp lệ và 4 phiếu không hợp lệ.

3.3. Các biến trong mô hình

Do đây là mô hình tác giả tự đề xuất mà chưa có nghiên cứu nào trước đó sử dụng, nên trong quá trình xác định các yếu tố nội tại của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tác động đến khả năng trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI, tác giả đã đưa ra 14 biến độc lập khác nhau dựa trên quá trình tìm

hiểu của chính tác giả cộng với ý kiến các chuyên gia thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu với những cán bộ trực tiếp liên quan đến quản lý và điều hành hệ thống doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp FDI. Theo đó, 14 biến ban đầu được đưa ra gồm: ROA (tỷ suất sinh lời/tổng tài sản), nợ/vốn chủ sở hữu, vòng quay hàng tồn kho, quy mô doanh nghiệp (tính bằng tổng tài sản), chi phí hoạt động/doanh thu, trình độ học vấn của giám đốc, tỷ lệ nguồn lao động chất lượng cao (lao động được đào tạo qua trường đào tạo nghề/tổng số lao động), tỷ lệ lao động nước ngoài/tổng số lao động, tỷ lệ doanh thu từ khách hàng truyền thống/tổng doanh thu, tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ, khu công nghiệp (là biến giả, nhận giá trị bằng 1 nếu doanh nghiệp hỗ trợ nằm trong khu công nghiệp, bằng 0 nếu ngược lại), công nghệ (là biến giả, nhận giá trị bằng 1 nếu doanh nghiệp sử dụng thiết bị tự động hoặc bán tự động, bằng 0 nếu sử dụng thiết bị thủ công), tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ và sự bất cân xứng về thông tin.

Sau đó, tác giả tiến hành các bước phân tích tiền mô hình bao gồm: Làm sạch dữ liệu (Data cleaning) để loại đi 3 biến tỷ lệ giá trị missing vượt 35%, sau đó đưa các biến còn lại vào phân tích đơn biến (Univariate analysis) thì thu được 4 biến (như Bảng 1) có tác động lớn nhất đến khả năng trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI.

4. Kết quả

Do mô hình logit là phi tuyến với các biến độc lập và biến phụ thuộc Y chỉ nhận một trong hai giá trị 0

và 1 nên không thể áp dụng trực tiếp phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để ước lượng các hệ số của mô hình, nên tác giả sẽ sử dụng phương pháp ước lượng hợp lý tối đa (Maximum Likelihood) để ước lượng các hệ số của β_1 của mô hình. Bảng 2 tóm tắt kết quả nhận được từ mô hình Logit.

Các kiểm định Wald và kiểm định Homer và Lemeshow đều cho thấy mô hình là phù hợp và các hệ số của các biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê. Biến ROA và biến tỷ lệ nguồn lao động chất lượng cao có ý nghĩa ở mức 10%, còn hai biến còn lại là tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ (CT) và sự bất cân xứng về thông tin (AI) có ý nghĩa với mức ý nghĩa 1%. Và dấu các hệ số hoàn toàn phù hợp với kỳ vọng đặt ra.

Về độ lớn các hệ số, ta thấy rằng hệ số góc của biến CT (tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ) có giá trị lớn nhất (1,150), điều này cho thấy để trở thành nhà cung cấp cho các doanh nghiệp FDI trong tương lai thì đòi hỏi các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phải đầu tư nhiều hơn nữa để nâng cao công nghệ, cải tiến kỹ thuật sản xuất để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ phía các doanh nghiệp FDI. Biến có tác động ít nhất đến xác suất trở thành nhà cung cấp cho doanh nghiệp FDI sản xuất là biến ROA, điều này cho thấy rằng các chỉ tiêu về lợi nhuận cũng chưa hẳn là yếu tố quan trọng trong quá trình các nhà sản xuất lựa chọn nhà cung cấp cho mình. Với biến định tính AI (sự bất cân xứng về thông tin) nhận giá trị âm và là một biến có ý nghĩa cho biết nếu tồn tại sự bất cân xứng về thông tin giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp FDI sản xuất sẽ làm cho xác suất trở thành nhà cung cấp của FDI của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ giảm.

Để rõ hơn về tác động của các yếu tố nội tại của doanh nghiệp đến khả năng trở thành đối tác cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho các doanh nghiệp FDI sản xuất, tác giả sẽ tiến hành phân tích tác động biên của từng biến đến xác suất trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất với giả thiết xác suất ban đầu $P_0 = 10\%$ (tức là ban đầu xác suất $P(Y=1) = 10\%$).

Đối với biến tỷ lệ vốn đầu tư cho CN (CT) có $\beta_1 = 1,150$, $P_0 = 10\%$ và $e^{\beta_1} = 9,855$ ta sẽ tính được:

$$P_1 = P_0 \cdot e^{\beta_1} / [1 - P_0(1 - e^{\beta_1})] = 0,260 = 26\%$$

Kết quả này cho biết nếu xác suất trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất ban đầu của một doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là 10%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tăng tỷ lệ vốn đầu tư vào công

nghệ lên 1% thì xác suất trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất sẽ tăng 16% so với xác suất ban đầu.

Tính toán tương tự cho các biến còn lại, lần lượt nhận được kết luận tương ứng sau: Khi các yếu tố khác không đổi, nếu tỷ lệ nguồn lao động chất lượng cao của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tăng 1% thì xác suất trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất sẽ tăng 5,89% so với xác suất ban đầu. Còn nếu ROA tăng 1% và các yếu tố khác giữ nguyên thì xác suất này sẽ tăng 1,7% so với ban đầu.

Với biến định tính sự bất cân xứng về thông tin (AI), việc tính toán theo công thức trên và nhận được xác suất $P_1 = 0,0108 = 1,08\%$. Kết quả này cho biết khi các yếu tố khác không đổi thì các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhận được thông tin cân xứng và hiệu quả về doanh nghiệp FDI sản xuất thì xác suất trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI sản xuất sẽ cao hơn 8,92% so với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhận được thông tin bất cân xứng. Điều này một lần nữa cho thấy sự cần thiết của việc hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong việc tiếp cận thị trường và liên kết các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất là vô cùng quan trọng trong chính sách thu hút FDI của Việt Nam hiện nay.

5. Kết luận

Để trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI, vấn đề quan trọng nhất với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là tăng tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ. Thực tế hiện nay, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa có trình độ công nghệ thấp, chậm đầu tư đổi mới công nghệ, vì vậy sản phẩm làm ra không đáp ứng được nhu cầu. Khi tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ tăng, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sản xuất ra mới đảm bảo được các tiêu chuẩn cạnh tranh (chất lượng, chi phí và giao hàng) đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp FDI.

Bên cạnh tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ, thì nguồn lao động có chất lượng cao là yếu tố thứ hai ảnh hưởng đến khả năng trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI. Nguồn lao động của Việt Nam được đánh giá cao ở sự chăm chỉ, cần cù. Tuy nhiên, trình độ nguồn lao động lại rất thấp, không đủ khả năng tiếp cận với công nghệ, thiết bị hiện đại. Vì vậy, bên cạnh việc tăng tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ, thì cần nâng cao chất lượng nguồn lao động, để có thể vận hành được máy móc, kỹ thuật hiện đại, từ đó sản xuất được những sản phẩm đáp ứng được tiêu chuẩn của doanh nghiệp FDI.

Ngoài tỷ lệ vốn đầu tư cho công nghệ, nguồn lao động có trình độ cao thì thông tin cân xứng là yếu tố thứ ba tác động đến khả năng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp của các doanh nghiệp FDI. Một trong những nguyên nhân chính khiến các doanh nghiệp hỗ trợ khó có thể trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI đó chính là thiếu thông tin, thiếu cơ sở dữ liệu để liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa. Muốn làm được điều này, ngoài sự tích cực chủ động của cả doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thì Chính phủ phải là cầu nối, tăng cường sự liên kết.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy chỉ tiêu ROA cũng là yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp FDI, tuy nhiên ROA không phải là yếu tố quan trọng khi lựa chọn nhà

cung cấp. Nguyên nhân bởi các doanh nghiệp FDI không mấy tin tưởng vào kết quả kinh doanh, hay báo cáo tài chính mà các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam công bố.

Vì vậy, trong thời gian tới để tăng cường thu hút FDI thì các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam cần tập trung vào việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường liên kết doanh nghiệp. Để làm được điều đó, ngoài sự cố gắng từ bản thân các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, thì vai trò của Chính phủ là đặc biệt quan trọng. Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp hỗ trợ như: hỗ trợ vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ, hay hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực,... Đồng thời, Chính phủ phải là đầu mối trung gian thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa và các doanh nghiệp FDI.

Tài liệu tham khảo:

- Hà Thị Hương Lan (2014), ‘Công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp của Việt Nam’, luận án tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Hoàng Văn Châu (2010), ‘Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam đến năm 2020’, đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước KX.01.22/06-10.
- Lưu Tiến Dũng, Nguyễn Văn Dũng & Vũ Ngọc Quyết (2014), ‘Các yếu tố tác động đến phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam: Trường hợp ngành cơ khí tinh Đồng Nai’, Kỷ yếu *Hội thảo khoa học Comb 2014*, Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam.
- Mori, J. (2005), ‘Development of supporting industries for Vietnam’s industrialization: increasing positive vertical externalities through collaborative training’, Master of Arts in Law and Diplomacy thesis, The Fletcher School, Tufts University.
- Ohno, K. (2007), *Building supporting industries in Vietnam*, Vietnam Development Forum.
- Porter, M.E. (1990), *The Competitive Advantage of Nations*, Harvard business review.
- Trần Quang Hậu (2015), ‘Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Quảng Nam’, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 10(95), 65-68.
- Trương Bá Thanh & Nguyễn Ngọc Anh (2014), ‘Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung’, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 72(2014), 10-16.
- Trương Thị Chí Bình (2010), ‘Phát triển công nghiệp hỗ trợ trong ngành điện tử gia dụng ở Việt Nam’, luận án tiến sĩ, đại học Kinh tế Quốc dân.